TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 665/2026/DS-PT
Ngày: 29-6-2026
V/v "Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hải.

Ông Trần Nam Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thẩm tra viên Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 25 và ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 693/2026/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 213/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 800/2026/QĐPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 726/2026/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Trần Thị T12, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số A khu V, phường C, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

1.2. Bà Trần Thị Út M, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số A khu V, phường C, thành phố Cần Thơ, vắng mặt

1.3. Bà Trần Thị Út B, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện theo ủy qu*yền: Bà Phạm Trần Bảo T, bà Huỳnh Yến D.

Cùng địa chỉ liên hệ: Số I đường số C, khu nhà ở Cán bộ - Giáo viên trường Đại học C3, khu V, phường T, thành phố Cần Thơ, đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Út B: Luật sư Nguyễn Vũ P – Công ty L3 Đinh thuộc Đoàn luật sư thành phố C, có mặt.

1.4. Bà Trần Thị Út E, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số A khu V, phường C, thành phố Cần Thơ, có yêu cầu vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số A, đường số A, Khu Đô thị M, phường C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Bùi Ngọc T1, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số B Khu V, phường L, thành phố Cần Thơ, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1978, vắng mặt.

3.2. Bà Trần Thị Mộng T2, sinh năm 1979, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số A, đường số A, KDC Hồng Loan E, khu V, phường C, thành phố Cần Thơ.

3.3. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1959, vắng mặt.

3.4. Ông Trần Quốc T4, sinh năm 1988.

3.5. Bà Trần Thị Ngọc B1, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Số A, đường số A, KDC Hồng Loan E, khu V, phường C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T4, bà B1: Ông Bùi Ngọc T1, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số B, khu vực B, phường L, thành phố Cần Thơ, có mặt.

3.6. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1948.

3.7. Ông Phạm Hoàng K, sinh năm 1970.

3.8. Ông Phạm Hoàng T5, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, thành phố Cần Thơ.

3.9. Bà Phạm Thị Kim K1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, thành phố Cần Thơ.

3.10. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1951.

3.11. Ông Trần Hoàng V, sinh năm 1980.

3.12. Ông Trần Phi L, sinh năm 1983.

3.13. Bà Trần Thị Ngân T6, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Số A khu V, phường C, thành phố Cần Thơ.

3.14. Bà Ngô Thị Kim C1, sinh năm 1966.

3.15. Ông Trần Nguyên H2, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số D C, phường C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Hoàng K, ông Phạm Hoàng T5 và bà Phạm Thị Kim K1, bà Bùi Thị N, ông Trần Hoàng V, ông Trần Phi

L và bà Trần Thị Ngân T6, bà Ngô Thị Kim C1 và ông Trần Nguyên H2: Bà Trần Thị Út E, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số A khu V, phường C, thành phố Cần Thơ, xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyễn Thị H3, Phạm Thị Kim K1, Phạm Hoàng K, Phạm Hoàng T5, Bùi Thị N, Trần Hoàng V, Trần Phi L, Trần Thị Ngân T6, Nguyễn Vũ P1, Lý Thị Hoàng D1, Nguyễn Thị Thu C2, Nguyễn Tuấn K2, Nguyễn Thanh H4, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị Thu N1, Nguyễn Thị Thu T7: Luật sư Nguyễn Vũ P – Công ty L3 Đinh thuộc Đoàn luật sư thành phố C.

3.16. Ông Nguyễn Thanh T8, sinh năm 1973, vắng mặt.

Địa chỉ: Số C khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

3.17. Ông Nguyễn Vũ P1, sinh năm 1975, vắng mặt.

3.18. Bà Lý Thị Hoàng D1, sinh năm 1976, vắng mặt.

3.19. Bà Nguyễn Thị Thu C2, sinh năm 1977, vắng mặt.

3.20. Anh Nguyễn Tuấn K2, sinh năm 2005, vắng mặt.

3.21. Ông Nguyễn Thanh H4, sinh năm 1978, vắng mặt.

3.22. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1981, vắng mặt.

3.23. Bà Nguyễn Thị Thu N1, sinh năm 1983, vắng mặt.

3.24. Bà Nguyễn Thị Thu T7, sinh năm 1985, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số C khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

3.25. Công ty Cổ phần X, vắng mặt.

Địa chỉ: Lô S, khu V, phường C, thành phố Cần Thơ.

3.26. Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: Đường L, phường C, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Út B; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Hoàng K, ông Phạm Hoàng T5, bà Phạm Thị Kim K1, bà Bùi Thị N, ông Trần Hoàng V, ông Trần Phi L, bà Trần Thị Ngân T6, bà Ngô Thị Kim C1, ông Trần Nguyên H2, ông Nguyễn Thanh T8, ông Nguyễn Vũ P1, bà Lý Thị Hoàng D1, bà Nguyễn Thị Thu C2, anh Nguyễn Tuấn K2, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu N1, bà Nguyễn Thị Thu T7, ông Trần Quốc T4 và bà Trần Thị Ngọc B1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện (đề ngày 21/6/2023) của nguyên đơn bà Trần Thị T12, bà Trần Thị Út M, bà Trần Thị Út B, bà Trần Thị Út E và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện uỷ quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Lúc sinh thời cụ Trần Văn S1 (chết năm 1999), cụ Võ Thị H5 (chết năm 1987), sống với nhau có 09 (chín)

người con, đã chết 04 (bốn) người, còn lại 05 (năm) người còn sống gồm có: bà Trần Thị T12, bà Trần Thị Út M, bà Trần Thị Út B, ông Trần Văn C và bà Trần Thị Út E. Khi còn sống cụ S1, cụ H5 có tạo lập được các quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 254, diện tích 313m^2, thửa 256, diện tích 304m^2, thửa 319, diện tích 6.805m^2, thửa 322 diện tích 2.755m^2, tờ bản đồ 02, toạ lạc tại ấp F, xã H, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (nay là khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ).

Đến năm 2008, các anh em của nguyên đơn có thoả thuận bán phần đất thuộc thửa 322 diện tích 2.755m^2 và một phần thửa 319, diện tích khoảng 3.000m^2 cho Công ty S4. Đến năm 2017, Ủy ban nhân dân quận C tiếp tục thu hồi 2.781,9m^2 đất (trong đó có 272,3m^2 loại đất ODT, 304m^2 loại đất NTD, 2.205,6m^2 loại đất CLN, hết thửa 254, 256, tách thửa 319, tờ bản đồ số 02, và có 137,6m^2 đất nằm ngoài giấy chứng nhận). Phần đất bị thu hồi các anh em thống nhất ủy quyền ông Trần Văn C đại diện đứng ra nhận tiền bồi thường và nhận 02 (hai) nền tái định cư mang số 121, 123, đường số A, diện tích mỗi nền 81m^2, toạ lạc tại khu đô thị M Cần Thơ (Khu H), khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Phần diện tích đất còn lại các anh em nguyên đơn đã thoả thuận đổi nền với Công ty Cổ phần X và đã bán chia đều cho các anh em nguyên đơn nên không tranh chấp.

Nay, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản là quyền sử dụng đất thuộc 02 (hai) nền tái định cư mang số 121, 123, đường số A, diện tích mỗi nền 81m^2, đất toạ lạc tại khu đô thị M Cần Thơ (khu H), khu V, phường C, thành phố Cần Thơ làm 09 (chín) phần bằng nhau, mỗi người con của cụ S1, cụ H5 được hưởng một phần, giá trị tạm tính khoảng 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng), yêu cầu chia mỗi người được hưởng 1/9 tương đương số tiền 555.555.000đ (Năm trăm năm mươi lăm triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Riêng đối với các tài sản là quyền sử dụng đất của các Lô nền khác giữa nguyên đơn với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận được với nhau nên không tranh chấp yêu cầu giải quyết.

** Ông Lê Hoài Đ (đại diện uỷ quyền của bị đơn) trình bày:* Trước yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án thì bị đơn ông C không đồng ý. Tại Biên bản hoà giải ngày 26/12/2008 của Ủy ban nhân dân phường H, quận C (cũ), các anh em thống nhất giao phần diện tích đất thổ cư 272m^2 đất thổ cư cùng căn nhà cấp 4 cho ông C được hưởng, còn số tiền bồi thường vật kiến trúc thì các anh em trong đó có các nguyên đơn đã nhận tiền và nền tái định cư theo đúng nội dung các anh em thoả thuận. Cho nên, hai nền tái định cư số 121, 123, đường số A, diện tích mỗi nền 81m^2, toạ lạc tại khu đô thị M Cần Thơ (Khu H), khu vực 5, phường C, thành phố Cần Thơ là phần tài sản mà ông C được hưởng nên không đồng ý chia thừa kế.

** Bà Trần Thị Út E (đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:* Thống nhất với phần trình của đại diện ủy quyền nguyên đơn, do lúc sinh thời cụ Trần Văn S1, cụ Võ Thị H5, sống với nhau có 09 (chín) người con, gồm: bà Trần Thị T12, bà Trần Thị Út M, bà Trần Thị Út B, ông Trần Văn C, bà Trần Thị Út E, bà Châu Thị L1, ông Trần Văn M1, ông Trần Văn S2 và ông Phạm Văn T9.

Khi còn sống cụ S1, cụ H5 có tạo lập được các quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 254, diện tích 313m^2, thửa 256, diện tích 304m^2, thửa 319, diện tích 6.805m^2, thửa 322 diện tích 2.755m^2, cùng tờ bản đồ 02, toạ lạc tại ấp F, xã H, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (nay là khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ). Sau khi cha mẹ chết thì các anh em đã thống nhất bán và nhận tiền từ việc bồi thường và sau đó tự thỏa thuận chia xong, riêng đối với 02 (hai) nền tái định cư số 121, 123, đường số A, diện tích mỗi nền 81m^2, toạ lạc tại khu đô thị M Cần Thơ (Khu H), khu V, phường C, thành phố Cần Thơ hiện ông C đã nhận từ Công ty Cổ phần X nhưng không chia cho các anh em còn lại. Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn yêu cầu chia phần di sản là 02 lô nền tái định cư mang số 121 và 123 thành 09 (chín) phần bằng nhau, mỗi người con của cụ S1, cụ H5 được hưởng một phần, giá trị hai lô nền tạm tính khoảng 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng), yêu cầu chia mỗi người được hưởng 1/9 tương đương số tiền 555.555.000đ (Năm trăm năm mươi lăm triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Tại bản án sơ thẩm số 213/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Út B về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ Trần Văn S1 và cụ Võ Thị H5.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Trần Thị T12, bà Trần Thị Út M và bà Trần Thị Út E về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ Trần Văn S1 và cụ Võ Thị H5.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thanh T8, ông Nguyễn Vũ P1, bà Lý Thị Hoàng D1, bà Nguyễn Thị Thu C2, anh Nguyễn Tuấn K2, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu N1 và bà Nguyễn Thị Thu T7 (người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Châu Thị L1); Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Hoàng K, ông Phạm Hoàng T5 và bà Phạm Thị Kim K1 (người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Phạm Văn T9); Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị N, ông Trần Hoàng V, ông Trần Phi L, bà Trần Thị Ngân T6 (người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn S2); Chấp nhận yêu cầu độc

lập của bà Ngô Thị Kim C1 và ông Trần Nguyên H2 (người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn M1).

- Xác định quyền sử dụng thuộc Lô nền mang số 121 (LK3-121) và 123 (LK3-123), tờ bản đồ số 19, có tổng diện tích là 162m^2, loại đất ODT, toạ lạc tại đường số A, khu dân cư H (lô số E), phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là phường C, thành phố Cần Thơ), là di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Trần Văn S1 và cụ Võ Thị H5.

- Xác định hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Trần Văn S1 và cụ Võ Thị H5 gồm 09 (chín) người gồm: ông Phạm Văn T9, ông Trần Văn S2, bà Châu Thị L1, ông Trần Văn C, ông Trần Văn M1, bà Trần Thị Út M, bà Trần Thị Út B, bà Trần Thị T12 và bà Trần Thị Út E.

- Chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Trần Văn S1 và cụ Võ Thị H5, cụ thể như sau:

Bị đơn ông Trần Văn C được hưởng 4/9 (gồm 01 phần của ông C được hưởng và 03 phần được tặng cho từ bà Trần Thị Út E, bà Trần Thị T12 bà bà Trần Thị Út M); bà Trần Thị Út B được hưởng 1/9; bà Châu Thị L1 (có người thừa kế quyền và nghĩa vụ là ông Nguyễn Thanh T8, ông Nguyễn Vũ P1, bà Lý Thị Hoàng D1, bà Nguyễn Thị Thu C2, anh Nguyễn Tuấn K2, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu N1 và bà Nguyễn Thị Thu T7) được hưởng 1/9; ông Phạm Văn T9 (có người thừa kế quyền và nghĩa vụ gồm bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Hoàng K, ông Phạm Hoàng T5 và bà Phạm Thị Kim K1) được hưởng 1/9; ông Trần Văn S2 (có người thừa kế quyền và nghĩa vụ gồm bà Bùi Thị N, ông Trần Hoàng V, ông Trần Phi L và bà Trần Thị Ngân T6) được hưởng 1/9; ông Trần Văn M1 (có người thừa kế quyền và nghĩa vụ gồm bà Ngô Thị Kim C1 và ông Trần Nguyên H2) được hưởng 1/9, đối với phần di sản thuộc Lô nền mang số 121 (LK3-121) và 123 (LK3-123), tờ bản đồ số 19.

Buộc bị đơn ông Trần Văn C có nghĩa vụ chia cho nguyên đơn bà Trần Thị Út B số tiền là 445.050.000đ (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) (tương đương 1/9 giá trị của L2 nền mang số 121 và 123).

Buộc bị đơn ông Trần Văn C có nghĩa vụ chia cho bà Châu Thị L1 (có người thừa kế quyền và nghĩa vụ là ông Nguyễn Thanh T8, ông Nguyễn Vũ P1, bà Lý Thị Hoàng D1, bà Nguyễn Thị Thu C2, anh Nguyễn Tuấn K2, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu N1 và bà Nguyễn Thị Thu T7) số tiền là 445.050.000đ (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) (tương đương 1/9 giá trị của L2 nền mang số 121 và 123).

Buộc bị đơn ông Trần Văn C có nghĩa vụ chia cho ông Phạm Văn T9 (có người thừa kế quyền và nghĩa vụ gồm bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Hoàng K, ông Phạm

Hoàng T5 và bà Phạm Thị Kim K1) số tiền là 445.050.000đ (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) (tương đương 1/9 giá trị của L2 nền mang số 121 và 123).

Buộc bị đơn ông Trần Văn C có nghĩa vụ chia cho ông Trần Văn S2 (có người thừa kế quyền và nghĩa vụ gồm bà Bùi Thị N, ông Trần Hoàng V, ông Trần Phi L và bà Trần Thị Ngân T6) số tiền là 445.050.000đ (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) (tương đương 1/9 giá trị của L2 nền mang số 121 và 123).

Buộc bị đơn ông Trần Văn C có nghĩa vụ chia cho ông Trần Văn M1 (có người thừa kế quyền và nghĩa vụ gồm bà Ngô Thị Kim C1 và ông Trần Nguyên H2) số tiền là 445.050.000đ (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) (tương đương 1/9 giá trị của L2 nền mang số 121 và 123).

Kể từ ngày bà Út B, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Châu Thị L1, ông Phạm Văn T9, ông Trần Văn S2 và ông Trần Văn M1 có đơn yêu cầu thi hành án mà ông C chưa thi hành thì còn nghĩa vụ chịu lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ông Trần Văn C được trọn quyền sở hữu và sử dụng phần đối với L2 nền mang số 121 (LK3-121) và 123 (LK3-123), tờ bản đồ số 19, có tổng diện tích là 162m^2, loại đất ODT, toạ lạc tại đường số A, khu dân cư H (lô số E), phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là phường C, thành phố Cần Thơ) sau khi thực hiện xong nghĩa vụ chia thừa kế cho bà Út B, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Châu Thị L1, ông Phạm Văn T9, ông Trần Văn S2 và ông Trần Văn M1. Ông Trần Văn C có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được công nhận phần diện tích đất này và chịu các khoản thuế, phí, lệ phí có liên quan.

(Kèm theo Bản trích đo địa chính số: 889/VPĐKĐĐ ngày 21/10/2024 của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố C).

Trường hợp trong giai đoạn thi hành án, bị đơn ông C không thi hành án hoặc không có khả năng thi hành phần nghĩa vụ chia thừa kế theo pháp luật cho bà Trần Thị Út B, chia cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn M1, ông Trần Văn S2, ông Phạm Văn T9 và bà Châu Thị L1 thì bà Út B, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M1, ông S2, ông T9 và bà L1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tiến hành phát mãi đối với Lô nền mang số 121, 123 đường số A, khu dân cư E, khu V, phường C, thành phố Cần Thơ. Sau khi trừ đi các chi phí cho việc phát mãi thì số tiền còn lại được chia cho ông C được hưởng 4/9, bà Trần Thị Út B, người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn M1, ông Trần Văn S2, ông Phạm Văn T9 và bà Châu Thị L1, mỗi người được hưởng 1/9.

Về công sức đóng góp trong việc giữ gìn di sản thừa kế: Các đương sự trong vụ án không ai được trích công sức đóng góp trong việc giữ gìn, bảo quản di sản.

Đối với căn nhà cấp 4 có diện tích 67,95m^2 và mái che có diện tích 13,05m^2 được xây dựng trên Lô nền số 121; phần nhà tạm có diện tích 27,45m^2 được xây dựng trên Lô nền số 123 thuộc quyền sở hữu của ông C. Trường hợp Lô nền mang số 121 và 123 được phát mãi để chia giá trị thì ông C được nhận số tiền đối với nhà ở và công trình phụ này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13 tháng 10 năm 2025, nguyên đơn bà Trần Thị Út B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Hoàng K, ông Phạm Hoàng T5, bà Phạm Thị Kim K1, bà Bùi Thị N, ông Trần Hoàng V, ông Trần Phi L, bà Trần Thị Ngân T6, bà Ngô Thị Kim C1, ông Trần Nguyên H2, ông Nguyễn Thanh T8, ông Nguyễn Vũ P1, bà Lý Thị Hoàng D1, bà Nguyễn Thị Thu C2, anh Nguyễn Tuấn K2, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu N1, bà Nguyễn Thị Thu T7 có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại một phần Bản án sơ thẩm 213/2025/DS-ST ngày 29/9/2005 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ theo hướng sử dụng chứng thư thẩm định giá số: 039/2025/792/CT ngày 26/8/2025 của Công ty Cổ phần T13 xác định tổng giá trị di sản của ông Trần Văn S3 để lại là 4.932.900.000đ (*Bốn tỷ chín trăm ba mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng*), chia đều cho 09 (chín) người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S3, mỗi người được hưởng một phần tương đương số tiền là 548.100.000đ (Năm trăm bốn mươi tám triệu một trăm nghìn đồng).

Ngày 21 tháng 10 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc T4 và bà Trần Thị Ngọc B1 có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án sơ thẩm số 213/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Trần Thị Út B có đại diện theo ủy quyền Phạm Trần Bảo T có yêu cầu xét xử vắng mặt và có bản tường trình đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Út B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Trần Thị Út B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H3, Phạm Thị Kim K1, Phạm Hoàng K, Phạm Hoàng T5, Bùi Thị N, Trần Hoàng V, Trần Phi L, Trần Thị Ngân T6, Nguyễn Vũ P1, Lý Thị Hoàng D1, Nguyễn Thị Thu C2, Nguyễn Tuấn K2, Nguyễn Thanh H4, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị Thu N1, Nguyễn Thị Thu T7 – ông Nguyễn

Vũ P trình bày: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã trưng cầu công ty cổ phần T13 để định giá tài sản tranh chấp, sau khi có chứng thư thẩm định giá số 039/2025/792/CT thì ngày 29/8/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 Cần Thơ đã tổ chức công bố kết quả định giá tài sản cho các đương sự, có mặt đại diện ủy quyền của ông C là ông Lê Hoài Đ cũng thống nhất với chứng thư thẩm định giá số 039/2025/792/CT. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm lấy trung bình của kết quả định giá thị trường của Hội đồng định giá do Tòa án thành lập và chứng thư thẩm định giá số 039 để giải quyết vụ án là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Ngọc B1 và Trần Quốc T4 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà B1 và ông T4 là con của ông C, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ vào kết quả định giá theo bản án sơ thẩm đã tuyên để chia thêm cho ông C 01 kỷ phần thừa kế do là người đang trực tiếp sinh sống trên phần đất đó.

Đại diện ủy quyền của bị đơn yêu cầu căn cứ vào kết quả định giá tài sản theo bản án sơ thẩm đã tuyên chia thành 10 kỷ phần thừa kế, ông C được nhận 2 phần lý do là người chăm trực tiếp chăm sóc cụ S1, cũng là người trực tiếp thờ cúng, gìn giữ di sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã trưng cầu công ty cổ phần T13 để định giá tài sản tranh chấp, sau khi có chứng thư thẩm định giá số 039/2025/792/CT thì ngày 29/8/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ đã tổ chức công bố kết quả định giá tài sản cho các đương sự, có mặt đại diện ủy quyền của ông C là ông Lê Hoài Đ cũng thống nhất với chứng thư thẩm định giá số 039/2025/792/CT để làm căn cứ giải quyết vụ án. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm lấy trung bình kết quả định giá thị trường của Hội đồng định giá do Tòa án thành lập và chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần T13 để xác định giá trị di sản là chưa phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ chứng thư thẩm định giá số 039/2025/792/CT để xác định giá trị di sản và chia theo quy định pháp luật, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Út B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Hoàng K, ông Phạm Hoàng T5, bà Phạm Thị Kim K1, bà Bùi Thị N, ông Trần Hoàng V, ông Trần Phi L, bà Trần Thị Ngân T6, bà Ngô Thị Kim C1, ông Trần Nguyên H2, ông Nguyễn Thanh T8, ông Nguyễn Vũ P1, bà Lý Thị Hoàng D1, bà Nguyễn Thị Thu C2, anh Nguyễn

Tuấn K2, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu N1, bà Nguyễn Thị Thu T7; Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc T4 và bà Trần Thị Ngọc B1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Út B; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Hoàng K, ông Phạm Hoàng T5, bà Phạm Thị Kim K1, bà Bùi Thị N, ông Trần Hoàng V, ông Trần Phi L, bà Trần Thị Ngân T6, bà Ngô Thị Kim C1, ông Trần Nguyên H2, ông Nguyễn Thanh T8, ông Nguyễn Vũ P1, bà Lý Thị Hoàng D1, bà Nguyễn Thị Thu C2, anh Nguyễn Tuấn K2, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu N1, bà Nguyễn Thị Thu T7, ông Trần Quốc T4 và bà Trần Thị Ngọc B1 có đơn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết là đúng theo các quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt đương sự đã được triệu lập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Ngọc B1 và Nguyễn Quốc T10 yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền của bà B1 và ông T10 sửa một phần yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị Út B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Hoàng K, ông Phạm Hoàng T5, bà Phạm Thị Kim K1, bà Bùi Thị N, ông Trần Hoàng V, ông Trần Phi L, bà Trần Thị Ngân T6, bà Ngô Thị Kim C1, ông Trần Nguyên H2, ông Nguyễn Thanh T8, ông Nguyễn Vũ P1, bà Lý Thị Hoàng D1, bà Nguyễn Thị Thu C2, anh Nguyễn Tuấn K2, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu N1, bà Nguyễn Thị Thu T7; đề nghị căn cứ vào kết quả định giá tài sản theo bản án sơ thẩm đã tuyên và chia kỷ phần

thừa kế thành 10 kỷ phần (ông C được hưởng 02 kỷ phần). Xét thấy, bà B1 và ông T11 là con của ông Trần Văn C. Trong vụ án này các đương sự cùng thống nhất di sản đang tranh chấp là của cụ S1 và cụ H5 (cha ruột ông C) để lại. Sau khi Tòa án sơ thẩm tuyên án, ông C kháng cáo quá hạn và Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã có Quyết định số 02/2026/QĐ-PT ngày 23/01/2026 về việc không chấp nhận kháng cáo quá hạn của ông Trần Văn C. Căn cứ vào Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về người thừa kế theo pháp luật thì bà B1 và ông T11 không phải là hàng thừa kế thứ nhất của cụ S1 và cụ H5. Do đó, việc bà B1 và ông T10 kháng cáo đề nghị xem xét chia thêm 01 kỷ phần thừa kế cho ông C là không có căn cứ, do đó kháng cáo của bà B1 và ông T10 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Đối với kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Út B; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Hoàng K, ông Phạm Hoàng T5, bà Phạm Thị Kim K1, bà Bùi Thị N, ông Trần Hoàng V, ông Trần Phi L, bà Trần Thị Ngân T6, bà Ngô Thị Kim C1, ông Trần Nguyên H2, ông Nguyễn Thanh T8, ông Nguyễn Vũ P1, bà Lý Thị Hoàng D1, bà Nguyễn Thị Thu C2, anh Nguyễn Tuấn K2, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu N1, bà Nguyễn Thị Thu T7, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã trưng cầu Công ty cổ phần T13 để định giá tài sản tranh chấp, sau khi có chứng thư thẩm định giá số 039/2025/792/CT (bút lục: 435) thì ngày 29/8/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ đã tổ chức công bố kết quả định giá tài sản cho các đương sự được biết, có mặt đại diện ủy quyền của ông C là ông Lê Hoài Đ cũng thống nhất với chứng thư thẩm định giá số 039/2025/792/CT để làm căn cứ giải quyết vụ án (bút lục 447); Các đương sự không ai có khiếu nại về kết quả định giá số 039/2025/792/CT và đây cũng là kết quả định giá tài sản lần cuối cùng trong vụ án, vì vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm lấy trung bình kết quả định giá thị trường của Hội đồng định giá do Tòa án thành lập và chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần T13 để xác định giá trị di sản là chưa phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các được sự trong vụ án. Cần căn cứ vào chứng thư thẩm định giá số 039/2025/792/CT của Công ty cổ phần T13 để xác định giá trị di sản của cụ S1 và cụ H5 và phân chia mới chính xác. Do đó kháng cáo trên của các đương sự được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và xác định lại như sau:

Theo Chứng thư thẩm định giá số: 039/2025/792/CT ngày 26/8/2025 của Công ty Cổ phần T13 thì giá trị của hai Lô nền là 4.932.900.000[đ] (*Bốn tỷ chín trăm ba mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng*). Các đương sự cùng thống nhất hàng thừa kế của cụ S1 và cụ H5 gồm có 09 người con là ông Trần Văn C, bà Trần Thị Út E, bà

Trần Thị Út T12, bà Trần Thị Út M, bà Trần Thị Út B, ông Trần Văn M1, ông Trần Văn S2, ông Phạm Văn T9 và bà Châu Thị L1.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 thì hàng thừa kế cùng hàng thì được hưởng phần di sản bằng nhau. Do vậy, giá trị di sản 4.932.900.000đ/ 09 kỷ phần bằng 548.100.000 đồng.

Do phần đất trên ông C đang trực tiếp sử dụng, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận phần đất trên cho ông C và ông C có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần cho những người thừa kế còn lại là phù hợp. Như vậy, ông C có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị Út B 01 (một) kỷ phần tương đương số tiền 548.100.000đ (*Năm trăm bốn mươi tám triệu, một trăm nghìn đồng*) và hoàn trả cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn M1, ông Trần Văn S2, ông Phạm Văn T9 và bà Châu Thị L1, mỗi người 01 (một) kỷ phần tương đương số tiền 548.100.000đ (*Năm trăm bốn mươi tám triệu, một trăm nghìn đồng*). Đối với kỷ phần thừa kế của bà Út M, bà T12 và bà Út B được nhận nhưng thống nhất giao lại cho ông C nên ông C được nhận.

[3]. Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Trần Thị Út B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Hoàng K, ông Phạm Hoàng T5, bà Phạm Thị Kim K1, bà Bùi Thị N, ông Trần Hoàng V, ông Trần Phi L, bà Trần Thị Ngân T6, bà Ngô Thị Kim C1, ông Trần Nguyên H2, ông Nguyễn Thanh T8, ông Nguyễn Vũ P1, bà Lý Thị Hoàng D1, bà Nguyễn Thị Thu C2, anh Nguyễn Tuấn K2, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu N1, bà Nguyễn Thị Thu T7 là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Út B;

Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Hoàng K, ông Phạm Hoàng T5, bà Phạm Thị Kim K1, bà Bùi Thị N, ông Trần Hoàng V, ông Trần Phi L, bà Trần Thị Ngân T6, bà Ngô Thị Kim C1, ông Trần Nguyên H2, ông Nguyễn Thanh T8, ông Nguyễn Vũ P1, bà Lý Thị Hoàng D1, bà Nguyễn Thị Thu C2, anh Nguyễn Tuấn K2, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu N1, bà Nguyễn Thị Thu T7.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc T4 và bà Trần Thị Ngọc B1.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 213/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ (về xác định giá trị di sản thừa kế).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Út B về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ Trần Văn S1 và cụ Võ Thị H5.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Trần Thị T12, bà Trần Thị Út M và bà Trần Thị Út E về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ Trần Văn S1 và cụ Võ Thị H5.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thanh T8, ông Nguyễn Vũ P1, bà Lý Thị Hoàng D1, bà Nguyễn Thị Thu C2, anh Nguyễn Tuấn K2, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu N1 và bà Nguyễn Thị Thu T7 (người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Châu Thị L1); Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Hoàng K, ông Phạm Hoàng T5 và bà Phạm Thị Kim K1 (người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Phạm Văn T9); Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị N, ông Trần Hoàng V, ông Trần Phi L, bà Trần Thị Ngân T6 (người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn S2); Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Ngô Thị Kim C1 và ông Trần Nguyên H2 (người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn M1).

- Xác định quyền sử dụng thuộc Lô nền mang số 121 (LK3-121) và 123 (LK3-123), tờ bản đồ số 19, có tổng diện tích là 162m^2, loại đất ODT, toạ lạc tại đường số A, khu dân cư H (lô số E), phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là phường C, thành phố Cần Thơ), là di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Trần Văn S1 và cụ Võ Thị H5.

- Xác định hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Trần Văn S1 và cụ Võ Thị H5 gồm 09 (chín) người gồm: ông Phạm Văn T9, ông Trần Văn S2, bà Châu Thị L1, ông Trần Văn C, ông Trần Văn M1, bà Trần Thị Út M, bà Trần Thị Út B, bà Trần Thị T12 và bà Trần Thị Út E.

- Chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Trần Văn S1 và cụ Võ Thị H5, cụ thể như sau:

+ Bị đơn ông Trần Văn C được hưởng 4/9 (gồm 01 phần của ông C được hưởng và 03 phần được tặng cho từ bà Trần Thị Út E, bà Trần Thị T12 bà bà Trần Thị Út M); bà Trần Thị Út B được hưởng 1/9; bà Châu Thị L1 (có người thừa kế quyền và nghĩa vụ là ông Nguyễn Thanh T8, ông Nguyễn Vũ P1, bà Lý Thị Hoàng D1, bà Nguyễn Thị Thu C2, anh Nguyễn Tuấn K2, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn

Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu N1 và bà Nguyễn Thị Thu T7) được hưởng 1/9; ông Phạm Văn T9 (có người thừa kế quyền và nghĩa vụ gồm bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Hoàng K, ông Phạm Hoàng T5 và bà Phạm Thị Kim K1) được hưởng 1/9; ông Trần Văn S2 (có người thừa kế quyền và nghĩa vụ gồm bà Bùi Thị N, ông Trần Hoàng V, ông Trần Phi L và bà Trần Thị Ngân T6) được hưởng 1/9; ông Trần Văn M1 (có người thừa kế quyền và nghĩa vụ gồm bà Ngô Thị Kim C1 và ông Trần Nguyên H2) được hưởng 1/9, đối với phần di sản thuộc Lô nền mang số 121 (LK3-121) và 123 (LK3-123), tờ bản đồ số 19.

+ Buộc bị đơn ông Trần Văn C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Út B; Bà Châu Thị L1 (có người thừa kế quyền và nghĩa vụ là ông Nguyễn Thanh T8, ông Nguyễn Vũ P1, bà Lý Thị Hoàng D1, bà Nguyễn Thị Thu C2, anh Nguyễn Tuấn K2, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu N1 và bà Nguyễn Thị Thu T7); Ông Phạm Văn T9 (có người thừa kế quyền và nghĩa vụ gồm bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Hoàng K, ông Phạm Hoàng T5 và bà Phạm Thị Kim K1); Ông Trần Văn S2 (có người thừa kế quyền và nghĩa vụ gồm bà Bùi Thị N, ông Trần Hoàng V, ông Trần Phi L và bà Trần Thị Ngân T6); ông Trần Văn M1 (có người thừa kế quyền và nghĩa vụ gồm bà Ngô Thị Kim C1 và ông Trần Nguyên H2), mỗi người số tiền là 548.100.000đ (*Năm trăm bốn mươi tám triệu, một trăm nghìn đồng*) (tương đương 1/9 giá trị của L2 nền mang số 121 và 123).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Ông Trần Văn C được quyền sở hữu và sử dụng phần đối với L2 nền mang số 121 (LK3-121) và 123 (LK3-123), tờ bản đồ số 19, có tổng diện tích là 162m^2, loại đất ODT, toạ lạc tại đường số A, khu dân cư H (lô số E), phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là phường C, thành phố Cần Thơ) sau khi thực hiện xong nghĩa vụ chia thừa kế cho bà Út B, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Châu Thị L1, ông Phạm Văn T9, ông Trần Văn S2 và ông Trần Văn M1. Ông Trần Văn C có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được công nhận phần diện tích đất này và chịu các khoản thuế, phí, lệ phí có liên quan.

(Kèm theo Bản trích đo địa chính số: 889/VPĐKĐĐ ngày 21/10/2024 của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố C).

Trường hợp trong giai đoạn thi hành án, bị đơn ông C không thi hành án hoặc không có khả năng thi hành phần nghĩa vụ chia thừa kế theo pháp luật cho bà Trần

Thị Út B, chia cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn M1, ông Trần Văn S2, ông Phạm Văn T9 và bà Châu Thị L1 thì bà Út B, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M1, ông S2, ông T9 và bà L1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tiến hành phát mãi đối với Lô nền mang số 121, 123 đường số A, khu dân cư E, khu V, phường C, thành phố Cần Thơ. Sau khi trừ đi các chi phí cho việc phát mãi thì số tiền còn lại được chia cho ông C được hưởng 4/9, bà Trần Thị Út B, người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn M1, ông Trần Văn S2, ông Phạm Văn T9 và bà Châu Thị L1, mỗi người được hưởng 1/9.

Về công sức đóng góp trong việc giữ gìn di sản thừa kế: Các đương sự trong vụ án không ai được trích công sức đóng góp trong việc giữ gìn, bảo quản di sản.

Đối với có căn nhà cấp 4 có diện tích 67,95m^2 và mái che có diện tích 13,05m^2 được xây dựng trên Lô nền số 121; phần nhà tạm có diện tích 27,45m^2 được xây dựng trên Lô nền số 123 thuộc quyền sở hữu của ông C. Trường hợp Lô nền mang số 121 và 123 được phát mãi để chia giá trị thì ông C được nhận số tiền đối với nhà ở và công trình phụ này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Trần Thị T12, bà Trần Thị Út M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), do bà T12 và bà Út M thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nên miễn phần án phí phải nộp.

- Nguyên đơn bà Trần Thị Ú Ba phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 25.924.000^đ (*Hai mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng*), bà Trần Thị Út E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), số tiền án phí của bà Út B và Út E phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.000.000^đ (*Ba mươi sáu triệu đồn*g) theo biên lai thu tiền số 0003537 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ; bà Út B và Út E được nhận lại số tiền là 9.776.000 đồng (*Chín triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn ông Trần Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 75.848.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng*), ông C thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên miễn phần án phí phải nộp cho ông C.

- Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Châu Thị L1 gồm có ông Nguyễn Thanh T8, ông Nguyễn Vũ P1, bà Lý Thị Hoàng D1, bà Nguyễn Thị Thu C2, anh Nguyễn Tuấn K2, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu N1 và bà Nguyễn Thị Thu T7, phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 25.924.000^đ (*Hai mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.111.000^đ (*Mười ba triệu một trăm mười một*

nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001009 ngày 22/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, số tiền án phí còn phải nộp là 12.813.000đ (*Mười hai triệu, tám trăm mươi ba nghìn đồng*).

- Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Phạm Văn T9 gồm có bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Hoàng K, ông Phạm Hoàng T5 và bà Phạm Thị Kim K1, phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 25.924.000đ (*Hai mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng*). Bà Nguyễn Thị H1 thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên miễn phần án phí phải nộp cho bà H1; số tiền án phí ông K, ông T5 và bà K1 phải nộp 17.282.667đ (*Mười bảy triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm sáu bảy đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.111.000đ (*Mười ba triệu một trăm mười một nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001002 ngày 22/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, số tiền án phí ông K, ông T5 và bà K1 còn phải nộp là 4.171.667đ (bốn triệu, một trăm bảy mươi mốt nghìn, sáu trăm sáu bảy đồng)

- Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn S2 gồm có bà Bùi Thị N, ông Trần Hoàng V, ông Trần Phi L, bà Trần Thị Ngân T6 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 25.924.000đ (*Hai mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng*). Bà Bùi Thị N thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên miễn phần án phí phải nộp cho bà N; số tiền án phí ông V, ông L và bà T6 phải nộp 17.282.667đ (*Mười bảy triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm sáu bảy* đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.111.000đ (*Mười ba triệu một trăm mười một nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001006 ngày 22/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, số tiền án phí ông V, ông L và bà T6 còn phải nộp là 4.171.667đ (*Bốn triệu, một trăm bảy mươi mốt nghìn, sáu trăm sáu bảy đồng*)

- Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn M1 gồm có bà Ngô Thị Kim C1 và ông Trần Nguyên H2, phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 25.924.000đ (*Hai mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.111.000đ (Mười ba triệu một trăm mười một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001007 ngày 22/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, số tiền án phí bà C1 và ông H2 còn phải nộp là 12.813.000đ (*Mười hai triệu, tám trăm mươi ba nghìn đồng*).

5. Án phí phúc thẩm:

- Người kháng cáo Trần Quốc T4 phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002029 lập ngày 27/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí, ông T4 đã nộp xong.

- Người kháng cáo Trần Thị Ngọc B1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*)

được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002028 lập ngày 27/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí, bà B1 đã nộp xong.

- Người kháng cáo Trần Thị Út B được nhận lại 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồ*ng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007313 lập ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo Ngô Thị Kim C1 và Trần Nguyên H2 được nhận lại 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007302 lập ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo Nguyễn Thanh T8, Nguyễn Vũ P1, Lý Thị Hoàng D1, Nguyễn Thị Thu C2, Nguyễn Tuấn K2, Nguyễn Thanh H4, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị Thu N1, Nguyễn Thị Thu T7 được nhận lại 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007301 lập ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo Trần Hoàng V, Trần Phi L, Trần Thị Ngân T6 được nhận lại 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007300 lập ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo Phạm Hoàng K, Phạm Hoàng T5, Phạm Thị Kim K1 được nhận lại 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007299 lập ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Những phần nhận định, quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 29 tháng 6 năm 2026.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân KV 3 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV 3 – Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Đào Thị Thủy